

Số: 02/2023/QĐHG-KDTM

TP.Thái Bình, ngày 17 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

Thẩm phán ra quyết định: Nguyễn Thị Hương.

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển đến Tòa án.

**XÉT THẤY**

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 01 tháng 3 năm 2023 có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, nội dung thỏa thuận, thống nhất là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

Các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án ra Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án và tài liệu kèm theo, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận kết quả hòa giải tại Tòa án của các đương sự**

*Người khởi kiện:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần B;

Địa chỉ: đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mai Thị Phương H - chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Thái Bình. Địa chỉ: phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đặng Mạnh C – Chức vụ: Chuyên viên xử

lý nợ - Thuộc chi nhánh Thái Bình (Theo giấy ủy quyền số 943/2022/UQ-L ngày 07/11/2022)

*Người bị kiện:*

1. Ông **Phạm Tuấn L**, sinh năm 1976

2. Bà **Bùi Thị Kim C**, sinh năm 1981

Nơi cư trú: tổ X, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình

**2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các đương sự cụ thể như sau:**

- Ông Phạm Tuấn L và bà Bùi Thị Kim C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD 3202021148 ngày 15/4/2021, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3202021148/09 ngày 12/4/2022 số tài khoản vay: 320SRL1221020002 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3202021148/10 ngày 13/4/2022 số tài khoản vay 320SRL1221032001 tính đến ngày 01/3/2023 cụ thể:

\* Theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 320201148/09 ngày 12/4/2022 số tài khoản vay: 320SRL1221020002:

- Nợ gốc: 0 đồng.
- Nợ lãi quá hạn: 1.636.652 đồng.
- Lãi chậm trả gốc: 2.459.589 đồng.
- Lãi chậm trả lãi: 84.553 đồng.

Tổng là: 4.180.794 đồng (*Bốn triệu một trăm tám mươi nghìn bảy trăm chín mươi tư đồng*).

\* Theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 320201148/10 ngày 13/4/2022 số tài khoản vay 320SRL1221032001

- Nợ gốc: 2.850.000.000 đồng.
- Lãi quá hạn: 99.086.303 đồng.
- Lãi chậm trả gốc: 146.521.233 đồng.
- Lãi chậm trả lãi: 5.184.487 đồng.

Tổng là **3.100.792.023** đồng (*Ba tỉ, một trăm triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, không trăm hai mươi ba đồng*).

Tổng cộng ông Phạm Tuấn L và bà Bùi Thị Kim C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B theo hai Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ trên

số tiền là **3.104.972.817** đồng (*Ba tỉ, một trăm linh bốn triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm mười bảy đồng*).

Kể từ ngày 02/3/2023, ông L và bà C còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Trường hợp ông L, bà C không trả được số tiền trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HDTC 3202021148 ngày 15/4/2021 đối với tài sản thế chấp gồm:

Quyền sử dụng đất của bên thế chấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 676629 số vào sổ cấp GCN: CH 02534 do Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình cấp ngày 20/5/2014, cụ thể như sau:

- Thừa đất số: x, tờ bản đồ số: QH (Theo bản đồ Vlap số thửa: z, tờ bản đồ số 24)

- Địa chỉ: Khu T, phường T – Thành phố T.

- Diện tích: 67,2 m<sup>2</sup>.

- Hình thức sử dụng: riêng 67,2m<sup>2</sup>.

- Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị.

- Thời gian sử dụng: Lâu dài.

Và các tài sản gắn liền với tài sản thế chấp gồm 01 nhà 3,5 tầng.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.**

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hương**